

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo - TX
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2019

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3/2019

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2019 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng cuối năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4,834,672,000			
I	Số thu phí, lệ phí	1,904,672,000	3,611,723,500	190%	238%
1	Học phí hệ cơ chỉ tiêu ngân sách	1.814.672.000	1.413.367.500	78%	92%
	Lệ phí...	90.000.000			
	Lệ phí...	0			
2	Thu sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)	2.930.000.000	2.198.356.000	75%	115%
	- Thu học thêm	2.800.000.000	2.109.296.000	75%	116%
	- Thu liên kết TA kella	130.000.000	89.060.000	69%	108%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4,834,672,000	2,480,181,496	51%	86%
1	Chi sự nghiệp.....	4,834,672,000	2,480,181,496	51%	86%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.834.672.000	2.480.181.496	51%	86%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	- Thu giá dịch vụ tuyển sinh ĐH, CĐ				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10,435,563,000	7,308,468,285	70%	108%
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.435.563.000	7.308.468.285	70%	108%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng cuối năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10,435,563,000	7,308,468,285	70%	108%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10,433,763,000	7,306,668,285	70%	108%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,800,000	1,800,000	100%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				

TỔNG
 NG
 HỌC
 HỒN
 NG B
 H XUÂ
 ★ 1

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng cuối năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 12 tháng 7 năm 2019

Hiệu trưởng



Vũ Đình Hà